

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 53 hộ gia đình, cá nhân có mồ mả, vật kiến trúc bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở Hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định (Đợt 6)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định tại Tờ trình số 60/TTr-HĐBT ngày 30/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 53 hộ gia đình, cá nhân có mồ mả, vật kiến trúc bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, Khu kinh tế Nhơn Hội (đợt 6), như sau:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ; chi phí phục vụ công tác giải phóng mặt bằng (2%) và chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế là: **2.349.487.781 đồng** (Hai tỷ, ba trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi bảy ngàn, bảy trăm tám mươi một đồng); trong đó:

+ Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 2.298.911.724 đồng

(Chi tiết như Phụ lục đính kèm)

- + Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 45.978.234 đồng
- + Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế: 4.597.823 đồng
- Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Công ty cổ phần Becamex Bình Định.

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, cơ quan thường trực của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định; Chủ tịch UBND huyện Vân Canh; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVPKT;
- Lưu: VT, K6.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO 53 HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ MỜ MẢ, VẬT KIẾN TRÚC BỊ ẢNH HƯỞNG DO GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)

Stt	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Mờ mả di dời		Tổng số mộ	Giá trị bồi thường mờ mả (đồng)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc (đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
			Mộ đất	Mộ xây				
1	Lê Văn Sửu	Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh	0	7	7	99.478.560	1.307.588	100.786.148
2	Trương Văn Sáu	Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh	0	1	1	14.026.950	378.240	14.405.190
3	Trương Văn Châu	Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh	0	3	3	114.279.385	11.671.920	125.951.305
4	Huỳnh Văn Nở	Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh	8	2	10	87.476.000	966.500	88.442.500
5	Nguyễn Thị Hồng	Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh	0	1	1	53.953.846	0	53.953.846
6	Trần Đăng Thor	Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh	10	0	10	20.000.000	200.000	20.200.000
7	Trần Văn Xuân	44 Hàm Nghi, P. Ngô Mây, TP. Quy Nhơn	0	2	2	85.195.692	6.658.600	91.854.292
8	Nguyễn Văn Lý	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	0	2	2	60.975.040	567.360	61.542.400
9	Trần Văn Dưỡng	An Long 2, xã Canh Vinh	1	2	3	48.760.000	0	48.760.000
10	Nguyễn Văn Minh, vợ Phạm Thị Hòa	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	3	0	3	6.000.000	0	6.000.000
11	Nguyễn Ngọc Cửu	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	5	1	6	50.307.120	1.946.360	52.253.480
12	Nguyễn Văn Bính	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	0	2	2	80.053.120	717.080	80.770.200
13	Nguyễn Thanh Hòa	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	2	0	2	4.000.000	0	4.000.000
14	Trương Thị Thùy Trang	An Long 2, xã Canh Vinh	1	0	1	2.000.000	0	2.000.000
15	Nguyễn Trọng Đào	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	32		32	64.000.000	0	64.000.000
16	Lê Văn Hòa	Phước Thành, Tuy Phước	4	1	5	11.842.000	0	11.842.000

17	Lê Hồng Sơn	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	4	1	5	56.349.840	2.370.000	58.719.840
18	Lê Văn Có	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	21	0	21	42.000.000	2.600.000	44.600.000
19	Đỗ Văn Sướng	KV7, Nhơn Phú, Quy Nhơn	1	0	1	2.000.000	0	2.000.000
20	Huỳnh Văn Trè	An Long 2, xã Canh Vinh	0	2	2	132.254.100	5.319.000	137.573.100
21	Trần Ngọc Châu	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	3	2	5	73.427.920	0	73.427.920
22	Cao Văn Trọng	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	3	0	3	6.000.000	0	6.000.000
23	Trương Văn Nghiêm	Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh	0	1	1	42.364.560	886.500	43.251.060
24	Nguyễn Ngọc Thoại	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	0	1	1	42.271.040	2.245.800	44.516.840
25	Nguyễn Thành Kính	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	6	0	6	12.000.000	0	12.000.000
26	Nguyễn Ngọc Mi	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	4	1	5	44.669.540	4.129.080	48.798.620
27	Lê Văn Đi	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	1	0	1	2.000.000	0	2.000.000
28	Lê Thị Mỹ Nhiên	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	2	0	2	4.000.000	0	4.000.000
29	Nguyễn Văn Thành	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	6	0	6	12.000.000	0	12.000.000
30	Nguyễn Văn Kha	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	3	2	5	69.223.193	1.589.790	70.812.983
31	Nguyễn Thị Long	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	7	0	7	14.000.000	0	14.000.000
32	Nguyễn Văn Bảy	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	12	0	12	24.000.000	0	24.000.000
33	Nguyễn Văn Muong	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	16	1	17	73.709.920	0	73.709.920
34	Nguyễn Thị Liên	Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh	1	4	5	18.870.000	0	18.870.000
35	Nguyễn Ngõ	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	7	4	11	115.011.920	0	115.011.920
36	Võ Văn Toàn	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	9	0	9	18.000.000	0	18.000.000
37	Huỳnh Kỳ	Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh	0	2	2	77.060.480	0	77.060.480

